

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/KDTM-PT

Ngày: 05-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 805/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV C. Trụ sở: Số D đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nay là số D đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Mã Thế V, chức vụ: Giám đốc.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Minh Q. Địa chỉ: A hẻm A đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nay là 1F hẻm A đường N, phường T, thành phố Cần Thơ. Theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2025. (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH C1 Địa chỉ: H KDC tổ B, KV7, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nay là 88-B2 KDC tổ 2C, KV7, phường A, thành phố Cần Thơ.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

2. Công ty TNHH S.Địa chỉ: 1 Lộ V, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nay là 103/3 Lộ V, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ; A Lộ V, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (Xưởng sản xuất).

* *Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt).

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh T. Địa chỉ: H KDC tổ B, KV7, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nay là 88-B2 KDC tổ 2C, KV7, phường A, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Vào năm 2023, Công ty TNHH MTV C (viết tắt Công ty C) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH C2 (viết tắt Công ty C2) và Công ty TNHH S (viết tắt Công ty S), theo nội dung hợp đồng này thì Công ty TNHH MTV C bán các loại máy in, máy photocopy, máy scan (toàn bộ là máy mới 100%) cho Công ty C2 và Công ty S, cụ thể như:

- Hợp đồng mua bán số 2012/HĐMB/2023: Ngày 20/12/2023, Công ty C có bán cho Công ty C2 và Công ty S: 04 cái máy photocopy, 25 cái máy in, 12 cái máy scan với giá là 523.200.000 đồng đã bao gồm 10% VAT (*về đặc điểm chủng loại, kết cấu, chức năng, giá bán cụ thể của từng sản phẩm được thể hiện rõ trong hợp đồng*). Ngoài ra, trong hợp đồng còn có quy định về thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, chất lượng hàng hóa, phương thức thanh toán, chế độ bảo hành và trách nhiệm của các bên. Ngày 25/12/2023, hai bên lập biên bản bàn giao nghiệm thu và đã ký xác nhận là hàng hóa giao đúng số lượng, đúng chất lượng mới 100% theo yêu cầu.

Theo điều 4 của hợp đồng có quy định phương thức thanh toán là Công ty C2 và Công ty S chuyển khoản ngay sau khi Công ty C giao hàng. Nhưng, đến nay phía Công ty N và Công ty S không thanh toán số tiền theo hợp đồng là 523.200.000 đồng cho Công ty C mặc dù giữa hai bên đã thực hiện đối chiếu công nợ nhiều lần (*có lập biên bản đối chiếu công nợ*) và đã kết luận xác nhận Công ty C2 và Công ty S còn nợ Công ty C số tiền là 523.200.000 đồng.

Về phía Công ty C, cũng đã nhiều lần gửi thông báo đòi nợ Công ty C2 và Công ty S, Công ty C2 và Công ty S nhận được thông báo, ký xác nhận số tiền còn nợ Công ty TNHH MTV C, nhưng đến nay bị đơn vẫn không trả nợ cho Công ty C.

- Hợp đồng mua bán số 2812/HĐMB/2023: Ngày 28/12/2023, Công ty TNHH MTV C có bán cho Công ty C2 và Công ty S: 01 cái máy in đa chức năng, 66 cái máy in, 13 cái máy scan với giá là 358.263.509 đồng đã bao gồm 10% VAT (*về đặc điểm chủng loại, kết cấu, chức năng, giá bán cụ thể của từng sản phẩm được thể hiện rõ trong hợp đồng*). Ngoài ra, trong hợp đồng còn có quy định về thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, chất lượng hàng hóa, phương thức thanh toán, chế độ bảo

hành và trách nhiệm của các bên. Ngày 30/12/2023, hai bên lập biên bản bàn giao nghiệm thu và đã ký xác nhận là hàng hóa giao đúng số lượng, đúng chất lượng mới 100% theo yêu cầu.

Theo điều 4 của hợp đồng có quy định phương thức thanh toán là Công ty C2 và Công ty S chuyển khoản ngay sau khi công ty TNHH MTV C giao hàng. Nhưng, đến nay phía Công ty C2 và Công ty S không thanh toán số tiền theo hợp đồng là 358.263.509 đồng cho công ty TNHH MTV C mặc dù giữa hai bên đã thực hiện đối chiếu công nợ nhiều lần (*có lập biên bản đối chiếu công nợ*) và đã kết luận xác nhận Công ty C2 và Công ty S còn nợ Công ty TNHH MTV C số tiền là 358.263.509 đồng.

Về phía Công ty TNHH MTV C, cũng đã nhiều lần gửi thông báo đòi nợ Công ty C2 và Công ty S, Công ty C2 và Công ty S nhận được thông báo, ký xác nhận số tiền còn nợ công ty TNHH MTV C, nhưng đến nay họ vẫn không trả nợ cho công ty TNHH MTV C.

Đến nay tổng số tiền mà Công ty C2 và Công ty S còn nợ công ty TNHH MTV C theo 02 hợp đồng mua bán nêu trên là: 881.463.509 đồng.

Nhận thấy, Công ty C2 và Công ty S đã vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng, cố tình chiếm dụng vốn của Công ty TNHH MTV C trong thời gian dài, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty C. Vì vậy, công ty TNHH MTV C yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo 02 hợp đồng mua bán là 881.463.509 đồng.

- Buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính là 117.481.456 đồng (*thời gian tạm tính lãi là 16 tháng, lãi suất là 10%/năm*) và tiếp tục tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Theo nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm thì thời gian các bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn đến nay là 19,5 tháng số tiền lãi là 142.664.866 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu tổng số tiền lãi các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 120.000.000 đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH C2 trình bày:*

Vào khoảng tháng 12 năm 2023 Công ty TNHH C2 có liên hệ với Công ty C để mua hàng đến khoảng tháng 01 năm 2024 Công ty C đã giao hàng đầy đủ và đầy đủ chứng từ thanh toán. Tuy nhiên, do mất cân đối thanh toán các nguồn thanh toán nên Công ty C2 đã hên thanh toán thành nhiều lần. Trong thời gian chậm thanh toán đại diện công ty C2 đã liên hệ với bên ngoài để bán các tài sản cá nhân nhưng chưa thống nhất được giá hợp lý nên chưa bán được nên khoản nợ kéo dài đến nay chưa trả. Tháng 5 năm 2025, phía Công ty C2 có liên hệ cam kết thanh toán nợ với Công ty C nhưng do vướng sáp nhập và thay đổi bổ nhiệm nhân sự. Trong khoảng thời gian đó Công ty C có yêu cầu Công ty C2 và Công ty S ký xác nhận công nợ và hàng hóa giao thực tế là Công ty C2 mua hàng còn Công ty S là do đại diện Công ty C2 nhờ xuất hóa đơn để đáo hạn. Khoảng tháng 6 đến tháng 7 năm 2025 đại diện Công ty C2 có liên hệ để trả nợ do đã có nguồn tiền thanh toán nhưng giữa đại diện Công

ty C2 và Công ty C chưa có sự thống nhất. Đại diện Công ty C2 đề nghị làm rõ các khoản nợ chính xác và Công ty C2 cam kết sẽ trả nợ cho Công ty C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty C2 xác nhận thống nhất số tiền nợ mua hàng hóa và thống nhất số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn yêu cầu nguyên đơn xác định lại mốc thời gian giao hàng là sau thời gian bàn giao, lắp đặt và nghiệm thu. Phía bị đơn Công ty C2 cung cấp cam kết thanh toán nhưng vì một mình bị đơn là Công ty C2 ký xác nhận nên phía nguyên đơn không đồng ý.

* Đối với bị đơn Công ty TNHH S, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng Công ty TNHH S vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau khi tiến hành các thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án ra quyết định xét xử công khai.

* Sự việc được Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST, ngày 14/8/2025, đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 288, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV C về “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” đối với bị đơn Công ty TNHH C2 và Công ty TNHH S.

Buộc các bị đơn Công ty TNHH C2 và Công ty TNHH S phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH MTV C tổng **số tiền nợ tính đến hết** ngày 14/8/2025 là: 1.001.463.509 **đồng, trong đó: Nợ gốc: 881.463.509 đồng, nợ lãi: 120.000.000 đồng.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 25/8/2025, bị đơn Công ty TNHH S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy hai hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên, không công nhận trách nhiệm liên đới thanh toán của Công ty đối với khoản nợ giữa bị đơn Công ty TNHH C2 với Công ty TNHH MTV C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận chữ ký và con dấu trong các hợp đồng mua bán, biên bản đối chiếu công nợ là của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S, tuy nhiên việc ký và đóng dấu là thời điểm năm 2024 do Công ty TNHH S bị hư con dấu nên được khắc lại vào tháng 11 năm 2014, thấy rằng theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định do con dấu của Công ty TNHH S bị hư nên được khắc lại vào tháng 11 năm 2024, chứ Công ty không có thay đổi gì, do đó bị đơn cũng không có căn cứ nào để xác định hợp đồng mua bán và biên bản đối chiếu công nợ năm 2023 nhưng được ký xác nhận và đóng dấu năm 2024. Mặt khác, tại các hóa đơn giá trị gia tăng được xuất vào năm 2023 đều thể hiện người mua hàng là Công ty TNHH S.

[3]. Đối với các hợp đồng mua bán số 2012/HĐMB/2023 ngày 20/12/2023 và hợp đồng mua bán số 2812/HĐMB/2023 ngày 28/12/2023, mặc dù có thể hiện Bên A: Công ty TNHH S là bên xuất hóa đơn nhưng các điều khoản trong nội dung của hai hợp đồng không quy định rõ Công ty TNHH S chỉ xuất hóa chứ không có trách nhiệm liên đới trả tiền mua bán, trong khi đó các điều khoản của hợp đồng thể hiện tại đoạn thứ 3 khoản 1 Điều 5 của các hợp đồng mua bán quy định trách nhiệm của bên A là Công ty TNHH C2 và Công ty TNHH S có trách nhiệm *“Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B số tiền đã ghi trong hợp đồng và theo các điều khoản đã quy định trong hợp đồng”*. Ngoài ra, trong các biên bản đối chiếu công nợ, thông báo nhắc nợ đều có chữ ký xác nhận của các bên A là Công ty TNHH C2 và Công ty TNHH S còn nợ tổng số tiền chưa thanh toán là 881.463.509 đồng. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4]. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH S cho rằng chỉ là đơn vị xuất hóa đơn, chứ không tham gia vào việc mua bán nhưng Công ty TNHH S không có yêu cầu phản tố đối với hai hợp đồng mua bán trên của nguyên

đơn, do đó kháng cáo yêu cầu hủy hai hợp đồng mua bán trên là không có căn cứ để xem xét.

[5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S là không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[8]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH S phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0002810 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy bị đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1- Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1- Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định